

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM NHÙN
TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGD- ST
Ngày: 13 tháng 9 năm 2018
V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM NHÙN, TỈNH LAI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông: **Lý Đức Hiệp**
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Hồng Thanh**

2. Bà: **Lò Thị Doanh**

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông : **Đổng Văn Dũng** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Ông: **Tăng Bá Thắng** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2018, Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nậm Nhùn vụ án HNGĐ thụ lý số: 09/2018/TLST- HNGĐ ngày 27/4/2018 về việc xin ly hôn theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 02/2018/ QĐXX- ST ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đ- ơng sự:

1/ Nguyên đơn: Chị : Khoảng Thị Th - Sinh năm 1981.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Trú tại: Bản N, TT N, huyện N, tỉnh Lai Châu.

2/ Bị đơn: Anh: Lương Văn Ph - sinh năm 1964.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Trú tại: Bản N, TT N, huyện N, tỉnh Lai Châu.

Tại phiên toà các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26 tháng 01 năm 2018 và những lời khai tiếp sau nguyên đơn chị Khoảng Thị Th trình bày: Chị và Anh Lương Văn Ph

sau quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân và hai bên kết hôn với nhau ngày 19/6/1996. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã N, huyện M, tỉnh Lai Châu cũ cấp (xã N, Huyện N, tỉnh Lai Châu) khi kết hôn chị mới 16 tuổi. Sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng anh có hạnh phúc được một thời gian đến năm 2013 do vợ chồng nảy sinh bất hoà, nguyên nhân do anh Ph là người nghiện ma túy, lười lao động nên hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai.đến nay chị Th nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị xin ly hôn.

Việc nuôi con: Chị và anh Ph có một con chung cháu Lường Văn M, sinh ngày 02/11/1998 nay cháu đã trưởng thành nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chia tài sản: Chị Khoàng Thị Th trình bày, vợ chồng anh, chị lấy nhau năm 1996 sống chung cùng với bố mẹ nên hai vợ chồng chưa tạo lập được tài sản chung gì lớn nên hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết. Hiện tại chị và anh Ph không vay, mượn, cũng như không cho ai vay, mượn tiền và tài sản gì.

Bị đơn anh Lường Văn Ph trình bày: Quá trình kết hôn là đúng ngày 19/6/1996 khi đi đăng ký kết hôn do chị Th chưa đủ tuổi kết hôn nên anh Ph đã khai chị Th sinh năm 1977 để UBND xã N, huyện M, tỉnh Lai Châu cũ (xã N, Huyện N, tỉnh Lai Châu) cấp đăng ký kết hôn cho anh, chị. Sau khi kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc cho đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bản thân anh Ph là người nghiện ma túy không chăm lo cho cuộc sống gia đình, từ tháng 3/2013 hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hiện tại anh Ph xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí được ly hôn với chị Th.

Việc nuôi con: Anh, chị có một con chung cháu Lường Văn M, sinh ngày 02/11/1998 nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chia tài sản: Vợ, chồng chưa có tài sản gì lớn nên hai bên tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về chia tài sản chung. Tại phiên Hòa giải ngày 18/6/2018 anh Lường Văn Ph và chị Khoàng Thị Th đều nhất trí ly hôn. Về con chung anh, chị có một con chung cháu Lường Văn M, sinh ngày 02/11/1998 nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nậm nhùn, tỉnh Lai

Châu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án của kiểm sát viên : Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 5,9 luật HNGĐ năm 1986,Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Khoàng Thị Th và anh Lương Văn Ph được ly hôn

Việc nuôi con: Anh, chị có một con chung cháu Lương Văn M, sinh ngày 02/11/1998 nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Chia tài sản: Vợ, chồng chưa có tài sản gì lớn nên hai bên tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] về thủ tục tố tụng:

Anh Lương Văn Ph và chị Khoàng Thị Th sinh ngày 01/01/1981 có địa chỉ tại:Bản N, TT N, huyện N, tỉnh Lai Châu có đăng ký kết hôn vào ngày 16/9/1996 tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Lai Châu cũ (xã N, Huyện N, tỉnh Lai Châu) cấp khi kết hôn chị Thịnh mới trên 16 tuổi nên việc cho đăng ký kết hôn của UBND xã N, huyện M, tỉnh Lai Châu cũ (xã N, Huyện N, tỉnh Lai Châu) đã vi phạm theo điều 5, 9 luật HNGĐ năm 1986, đây là vụ án “ Xin Ly hôn” theo khoản 7 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy tòa án nhân dân huyện Nậm Nhùn đã thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hôn nhân: Chị Khoàng Thị Th và anh Lương Văn Ph có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Lai Châu cũ (xã N, Huyện N, tỉnh Lai Châu) khi kết hôn ngày 16/9/1996 chị Th mới trên 16 tuổi do vi phạm quy định tại điều 5, 9 luật HNGĐ năm 1986 nên hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý. Chị Khoàng Thị Th có đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn. Tòa án đã thụ lý và giải

quyết ly hôn và hủy giấy đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11; Điều 12; Điều 53; Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Và thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bộ Tư pháp, ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của luật HNGĐ năm 2014.

[2.2] Việc nuôi con: Anh, chị có một con chung cháu Lường Văn M, sinh ngày 02/11/1998 nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[2.3] Chia tài sản: Tại phiên hòa giải ngày 18/6/2018 chị Th và anh Ph thống nhất tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc tự thỏa thuận chia tài sản chung của chị Khoảng Thị Th và anh Lường Văn Ph là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Tại phiên tòa chị Khoảng Thị Th và anh Lường Văn Ph vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Về con chung và tài sản chung hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về án phí:

Nguyên đơn chị Khoảng Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 5, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 11; Điều 12; Điều 53; Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 28 ; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Khoảng Thị Th được ly hôn với anh Lường Văn Ph
2. Hủy giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/9/1996 của UBND xã N, huyện M,

tỉnh Lai Châu cũ cấp (xã N, Huyện N, tỉnh Lai Châu).

3. Việc nuôi con: Cháu Lường Văn M, sinh ngày 02/11/1998 nay cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Chia tài sản: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn đ- ọc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2010/0002967 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh Lai Châu;
- VKSND Tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Nậm Nhùn;
- THADS huyện Nậm Nhùn;
- Xã Nậm Hàng huyện Nậm Nhùn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đức Hiệp